

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH HẢI
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/HNGĐ – ST

Ngày: 31 – 7 – 2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI - TỈNH NINH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Thanh Long**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Đăng An và bà Đỗ Thị Minh Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Trí – Cán bộ Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 68/2024/TLST – HNGĐ ngày 14 – 3 – 2024 về việc tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2024/QĐST – HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Quỳnh N** – sinh năm: 1989.

Địa chỉ: thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

- Bị đơn: Ông **Trần Hoàng M** – sinh năm: 1986.

Địa chỉ: thôn G, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

(nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Quỳnh N trình bày:

Bà và ông Trần Hoàng M tiến đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 31/2015 ngày 23/7/2015. Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Lê Hoàng Y – sinh ngày 21/3/2016 và Trần Lê Hải Đ– sinh ngày 03/7/2018.

Năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông M không tôn trọng bà luôn gây áp lực cho bà và con chung, không phụ bà làm ăn mà thường xuyên chửi bới bà. Bà tha thứ rất nhiều lần nhưng ông M vẫn không sửa chữa, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2023 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Vì tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Hoàng M.

Về con chung: Bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Bà làm Tổ trưởng Công ty TNHH H - khu công nghiệp B - T - Bình Dương một tháng bà thu nhập của bà là 14.000.000 đồng. Ngoài ra, ông bà ngoại phụ giúp nên bà đủ khả năng nuôi con. Ông M hiện nay làm gì, thu nhập bao nhiêu bà không rõ.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Trần Hoàng M trình bày:

Ông đồng ý trình bày về việc vợ chồng tự nguyện kết hôn và có con chung. Vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân do ông không có việc làm bị thất nghiệp, nhiều lúc do áp lực tiền bạc nên ông ăn nói không chuẩn mực, thiếu tôn trọng vợ con dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi vã nhau. Cha mẹ hai bên cũng biết tình trạng vợ chồng tồi tệ và nhiều lần hòa giải nhưng không được. Hiện vợ chồng đã sống mỗi người một nơi từ tháng 9/2023 đến nay không còn quan tâm, chăm sóc nhau, ông có kêu bà N về chung sống nhưng bà N không về. Ông còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Mong Tòa án tạo điều kiện về thời gian để vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Lê Hoàng Y – sinh ngày 21/3/2016 và Trần Lê Hải Đ– sinh ngày 03/7/2018. Nếu ly hôn ông đồng ý để cho bà N được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung và không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Thư ký, Nguyên đơn đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn thực hiện một phần quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tại phiên tòa bị đơn vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay HĐXX đúng thành phần, xét xử đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N.
Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Trần Lê Hoàng Y và Trần Lê Hải Đ cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng; ông M không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà N như yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ kiện này là: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải theo quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Quỳnh N và ông Trần Hoàng M kết hôn là do tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 31/2015 ngày 23/7/2015, theo quy định của pháp luật đây là hôn nhân hợp pháp. Bà N và ông M đều thừa nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không tin tưởng nhau, ông M chưa có việc làm nên ăn nói không chuẩn mực nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Thời gian sống ly thân từ tháng 9/2023 đến nay tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn, không về chung sống với nhau nên bà N giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Ông M cho rằng còn tình cảm với vợ và không đồng ý ly hôn, phía bà N xác định không còn tình cảm với ông M và từ khi sống ly thân đến nay cũng như quá trình giải quyết vụ án ông M vẫn thường xuyên đe dọa, xúc phạm bà nên bà giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Nội dung xác nhận của chính quyền địa phương nơi ông M cư trú (BQL thôn G) thể hiện vợ chồng bà N – ông M đã sống mỗi người một nơi từ đầu năm 2023, con chung do bà N nuôi dưỡng (BL: 36).

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa bà N và ông M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N được ly hôn với ông Trần Hoàng M.

[2.2] Về con chung: Bà Lê Thị Quỳnh N yêu cầu được nuôi 02 con chung là các cháu Trần Lê Hoàng Y – sinh ngày 21/3/2016 và Trần Lê Hải Đ– sinh ngày 03/7/2018. Nếu ly hôn con chung dưới 18 tuổi ở với ai thì người đó được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tại bản khai cháu Trần Lê Hoàng Y trình bày cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Đây là nguyện vọng chính đáng của con chung được pháp luật bảo vệ. Từ các nhận định trên Hội đồng xét xử nghĩ nên giao các con chung cho bà Lê Thị Quỳnh N nuôi là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Ông M không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Như k yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[3] Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận toàn bộ ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 28, 35; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Quỳnh N với ông Trần Hoàng M.

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Quỳnh N được ly hôn với ông Trần Hoàng M.
2. Về con chung: Bà Lê Thị Quỳnh N có quyền và nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Lê Hoàng Y – sinh ngày 21/3/2016 và Trần Lê Hải Đ– sinh ngày 03/7/2018. Ông Trần Hoàng M không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Như k yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Quỳnh N phải chịu 300.000 đồng (*bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu số 0000254 ngày 05 – 3 – 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải. Bà N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, sơ thẩm có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 31/7/2024). Riêng bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- THA dân sự huyện Ninh Hải;
- UBND xã Phước Ninh, huyện Thuận Nam (để biết);
- Lưu (hồ sơ, án văn)/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thanh Long

